

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS - ST

Ngày: 29/9/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tăng Triều Vũ Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hòa Hợp.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST – DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H.

Địa chỉ: đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Ngọc S; Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng H chi nhánh Sóc Trăng; (theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2020) (có mặt)

Địa chỉ: đường T, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N; sinh năm: 1980; (Vắng mặt)

Ông Võ Văn P; sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, cũng như tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H trình bày:

Ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc N có ký với Ngân hàng H (gọi tắt là Ngân hàng) các Hợp đồng tín dụng vay vốn, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số: 0398/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 07/12/2017; số tiền vay là: 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng); Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng; Lãi suất vay: 13%/năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay là: 36 tháng kể từ ngày 09/12/2017. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 90.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0398/17/HĐTDTDH-CN/207/ĐNGN-KUNN-01 ngày 08/12/2017.

2. Hợp đồng tín dụng số: 0311/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 12/9/2017; số tiền vay là: 150.000.000 ; Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng; Lãi suất vay: 13%/năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay là: 12 tháng kể từ ngày 12/9/2018. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0311/17/HĐTDTDH-CN/207/ĐNGN-KUNN/02 ngày 11/9/2017.

3. Hợp đồng tín dụng số: 0108/18/HĐTDTDH-CN/207 ngày 09/3/2018; số tiền vay là: 50.000.000 ; Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng; Lãi suất vay: 13%/năm và có thể được Ngân hàng điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay là: 84 tháng kể từ ngày 10/3/2018. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0108/18/HĐTDTDH-CN/207/ĐNGN-KUNN/CN/01 ngày 09/3/2018.

Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay: Thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 0232/17/HĐBĐ-207 ngày 07/12/2017, đăng ký thế chấp ngày 07/12/2017, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 585, tờ bản đồ số 8; tọa lạc tại: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 264080 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/11/2016 do ông Võ Văn P đứng tên.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0172/17/HĐBĐ-207 ngày 12/9/2017, đăng ký thế chấp ngày 12/9/2017, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại: Ấp Ba, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329272 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2017 do ông Võ Văn P đứng tên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc N thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng ông P và bà N không thực hiện. Tính đến ngày 26/5/2020 ông P và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 266.187.354 đồng (Nợ gốc là 232.964.000 đồng; lãi trong hạn là 10.855.506 đồng; lãi quá hạn là 22.367.848 đồng).

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử với tổng số tiền là 322.061.029 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) (trong đó gốc là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng; tiền lãi 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín ngàn) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông P và bà N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

2. Trường hợp ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Ngọc N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản ông P và bà N đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P, thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N và ông P, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp được vì bà N và ông P đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng H nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2021 với tổng số tiền là 322.061.029 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) (trong đó gốc là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng; lãi 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín ngàn) và cộng phần lãi vay phát sinh thêm với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi bà N và ông P hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H. Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi

các tài sản bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà N và ông P nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà N và ông P được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà N và ông P. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà N và ông P.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P hoàn trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử với tổng số tiền là 322.061.029 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) (trong đó gốc là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng; lãi 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín ngàn) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà N và ông P trả xong số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Hợp đồng số: 0398/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 07/12/2017; Hợp đồng tín dụng số: 0311/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 12/9/2017; Hợp đồng tín dụng số: 0108/18/HĐTDTDH-CN/207 ngày 09/3/2018 và các giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ (bút lục 05-07; 18 -26 ), các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của bà N và ông P ở mục bên được cấp tín dụng và bên nhận nợ. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà N và ông P biết, nhưng bà N và ông P không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà N và ông P đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì bà N và ông P không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do

vậy, việc bà N và ông P không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà N và ông P là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà N và ông P hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 2 của các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng và bà N, ông P đã giao kết mức lãi suất cho vay là 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên bà N và ông P phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà N và ông P phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/9/2021, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 0398/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 07/12/2017 với số tiền lãi là 16.247.416 đồng (mười sáu triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm mười sáu đồng) (Trong đó lãi trong hạn là: 4.130.713 đồng (bốn triệu, một trăm ba mươi ngàn, bảy trăm mười ba đồng); lãi quá hạn: 12.116.703 đồng (Mười hai triệu, một trăm mười sáu ngàn, bảy trăm lẻ ba đồng))

+ Hợp đồng tín dụng số: 0311/17/HĐTDTDH-CN/207 ngày 12/9/2017 với số tiền lãi là 59.596.371 đồng (năm mươi chín triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bảy mươi một đồng) (Trong đó lãi trong hạn là: 3.083.013 đồng (ba triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, không trăm mười ba đồng); lãi quá hạn: 56.513.358 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm mười ba ngàn, ba trăm năm mươi tám đồng))

+ Hợp đồng tín dụng số: 0108/18/HĐTDTDH-CN/207 ngày 09/3/2018 với số tiền lãi là 13.253.242 đồng (Mười ba triệu, hai trăm năm mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi hai đồng). (Trong đó lãi trong hạn là: 9.093.729 đồng (Chín triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi chín đồng); lãi quá hạn: 4.159.513 đồng (Bốn triệu, một trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm mười ba đồng))

Tổng cộng tiền lãi phải trả của ba hợp đồng này là: 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín đồng)

Như vậy, bị đơn bà N và ông P có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng H dư nợ tính đến ngày 29/9/2021 số tiền vay gốc và lãi là 322.061.029 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) (trong đó gốc là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng); lãi 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín ngàn)).

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn bà N và ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với Hợp đồng thế chấp thửa đất số 688, tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại: Ấp B, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329272 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2017 do ông Võ Văn P đứng tên. Ngày 25/11/2020 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định: Trên phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4. Tại thời điểm xem xét thẩm định, căn nhà đóng cửa. Ngoài ra trên phần đất thế chấp ngoài căn nhà cấp 4, không có công trình, vật kiến trúc gì khác. Hiện trạng không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Phần tài sản này thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P. Hiện nay không ai quản lý, sử dụng.

Đối với Hợp đồng thế chấp thửa đất số 585, tờ bản đồ số 8; tọa lạc tại: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329272 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2017 do ông Võ Văn P đứng tên. Ngày 18/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, xác định: Hiện trạng là đất ở và trồng cây lâu năm, không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Trên phần đất có căn nhà cấp 4. Tại thời điểm xem xét thẩm định, căn nhà đóng cửa. Phần tài sản này thuộc quyền sở hữu của ông Võ Văn P, không cầm cố hay chuyển nhượng cho ai khác.

Từ những phân tích nêu trên đã đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của bà N và ông P để thế chấp cho Ngân hàng nhằm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông P và bà N. Mặt khác về nội dung và hình thức của các hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P phải chịu 1.850.000 đồng (một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này Ngân hàng đã nộp xong nên bà N và ông P có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P phải

chịu 16.103.051 đồng (Mười sáu triệu, một trăm lẻ ba ngàn, không trăm năm mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày 29/9/2021 với số tiền gốc và lãi là 322.061.029 đồng (Bằng chữ: ba trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, không trăm hai mươi chín đồng) (trong đó gốc là 232.964.000 đồng (Bằng chữ: hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng); lãi 89.097.029 đồng (tám mươi chín triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi chín ngàn) và bà N, ông P còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng H, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 0232/17/HĐBĐ-207 ngày 07/12/2017 để thế chấp tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 264080 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/11/2016 do ông Võ Văn P đứng tên, đối với thửa đất số 585, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Đầy Hương, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 0172/17/HĐBĐ-207 ngày 12/9/2017 để thế chấp tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 329272 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/7/2017 do ông Võ Văn P đứng tên, đối với thửa đất số 688, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại Ấp B, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn Ngân hàng H đã nộp xong nên bà N và ông P có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.850.000 đồng (một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Võ Văn P phải chịu 16.103.051 đồng (Mười sáu triệu, một trăm lẻ ba ngàn, không trăm năm mươi một ngàn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.655.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006090 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tăng Triều Vũ Hà**





